Tạp chí Y học Lâm sàng | Số 148 (Tập 1) | DOI: 10.52322/jocmbmh.148.0101

NGHIÊN CỨU TỔNG QUAN TÁC DỤNG DƯỢC LÝ VÀ LÂM SÀNG CỦA BÀI THUỐC NHÂN TRẦN CAO THANG

Nguyễn Văn Nhường

Khoa Y học cổ truyền,
Trường Đại học Phenikaa

***Tác giả chịu trách nhiệm:**
Nguyễn Văn Nhường
Trường Đại học Phenikaa
Email:
nhuong.nguyenvan@phenikaa-uni.edu.vn

TÓM TẮT

Nhân trần cao thang xuất xứ từ "Thương hàn luận", là phương thuốc kinh điển điều trị chứng hoàng đản nguyên nhân do thấp nhiệt. Bài thuốc có tác dụng bảo vệ gan, lợi mật, kháng khuẩn và điều hòa miễn dịch, được ứng dụng rộng rãi trong các bệnh lý hệ gan mật. Tuy nhiên, phạm vi ứng dụng lâm sàng không chỉ giới hạn ở bệnh gan mật, mà còn được sử dụng trong điều trị các bệnh thuộc chuyên khoa tiêu hóa (viêm gan B, bệnh gan nhiễm mỡ không do rượu, tăng bilirubin máu, viêm tụy), chuyên khoa hô hapas (hen phế quản, nhiễm trùng đường hô hấp tái diễn) và chuyên khoa da liễu (mụn trứng cá, chàm). Hiện nay, các nghiên cứu về cơ chế tác dụng của Nhân trần cao thang vẫn chưa đầy đủ, đồng thời còn thiếu dữ liệu lâm sàng quy mô lớn để hỗ trợ.

Từ khóa: *Nhân trần cao thang, chứng thấp nhiệt, tác dụng dược lý, nghiên cứu lâm sàng, dị bệnh đồng trị, thương hàn luận*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

"Nhân trần cao thang" được danh y Trương Trọng Cảnh thời Đông Hán - Trung Quốc ghi lại trong "Thương hàn tạp bệnh luận" dùng để điều trị chứng hoàng đản nguyên nhân do thấp nhiệt [1]. Ngày nay với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, có nhiều nghiên cứu thực nghiệm và dược lý lâm sàng cho thấy Nhân trần cao thang không chỉ có tác dụng điều trị các bệnh lý về gan mật cấp và mãn tính mà còn có tác dụng cho một số bệnh nội khoa, nhi khoa, ngoại khoa, hô hấp và miễn dịch, nội tiết - chuyển hóa. Mục tiêu của nghiên cứu tổng quan này nhằm phân tích cụ thể tác dụng dược lý và ứng dụng lâm sàng của Nhân trần cao thang, đồng thời phân tích sâu hơn phạm vi và cơ chế kháng khuẩn, có ý nghĩa mở rộng ứng dụng, bổ sung bằng chứng y học cho bài thuốc.

2. BÀI THUỐC NHÂN TRẦN CAO THANG THEO LÝ LUẬN CỦA Y HỌC CỔ TRUYỀN

"Nhân trần cao thang" được danh y Trương Trọng Cảnh (Đông Hán - Trung Quốc) ghi trong "Thương hàn tạp bệnh luận" dùng để điều trị chứng thấp nhiệt gây hoàng đản. Bài thuốc gồm ba vị: Nhân trần cao (Artemisia capillaris) 18g, Chi tử (Fructus Gardeniae) 12g và Đại hoàng (Rhizoma Rhei) 6g. Bài thuốc có công dụng thanh nhiệt, lợi thấp, thoái hoàng, chủ trị chứng thấp nhiệt hoàng đản. Cách dùng: sắc 1 thang làm 3 lần, uống 3 lần trong ngày. Trong phương trọng dụng nhân trần làm quân dược, tác dụng giáng tiết, thanh nhiệt lợi thấp. Chi tử (thần dược) thanh nhiệt giáng hỏa, thông lợi tam tiêu, trợ giúp cho nhân trần dẫn thấp nhiệt tà ra ngoài. Đại hoàng (tá dược) tác dụng tiết nhiệt trục ứ kết thông lợi đại tiện [2,3].

Ngày nhận bài: 25/08/2025| Ngày phản biện: 21/09/2025 | Ngày chấp thuận: 29/09/2025

3. TỔNG QUAN VỀ CÁC NGHIÊN CỨU DƯỢC LÝ VỀ BÀI THUỐC NHÂN TRẦN CAO THANG

3.1. Tác dụng bảo vệ gan

Nghiên cứu dược lý lâm sàng phát hiện rằng các thành phần chính trong Nhân trần cao thang gồm acid gallic, acid chlorogenic, fraxin, geniposide, hyperoside, quercetin, rhein, emodin... với công năng chủ yếu là bảo vệ gan, có thể dùng trong điều trị nhiều bệnh lý tại gan như viêm gan B, gan nhiễm mỡ không do rượu. Quan sát trên lâm sàng một số tác giả cho thấy điều trị viêm gan vàng da cấp tính bằng Nhân trần cao thang gia giảm có kết hợp tây y làm cải thiện các chỉ số sinh học trên người bệnh: (DBIL), (ALT) và (AST), khẳng định tác dụng bảo vệ gan rõ rệt. Ở mô hình chuột gây tổn thương gan cấp bởi D-GalN, thuốc Nhân trần cao thang gia giảm có tác dụng cải thiện tổn thương chức năng gan và giảm viêm gan. Do nó ức chế hoạt tính của đường tín hiệu TLR4/MyD88/NF-κB, làm giảm đáng kể TNF-α, p-NF-κB, MyD88 và TLR4 trong mô gan, từ đó hạn chế sự phóng thích các yếu tố gây viêm, giảm mức độ viêm và tổn thương gan.

Khảo sát tác dụng và cơ chế của Nhân trần cao thang trong điều trị tổn thương gan cấp do rượu dựa trên trục SIRT1/AMPK (silent information regulatory factor 2 related enzyme 1; AMP-dependent protein kinase), kết quả cho thấy thuốc làm tăng hoạt tính SIRT1 và p-AMPK trong mô gan. Chứng tỏ thuốc gây hoạt hóa các tín hiệu SIRT1/AMPK giúp tăng cường chuyển hóa lipid và giảm tích mỡ tại gan. Một nghiên cứu khác thấy rằng, thuốc có tác dụng lên hệ thống nội tiết - chuyển hóa làm tăng chỉ số nhạy cảm insulin, giảm đường huyết, cải thiện chỉ số kháng insulin (IR) và điều hòa rối loạn chuyển hóa đường – lipid, giảm lipid máu ở bệnh gan nhiễm mỡ [3].

3.2. Tác dụng lợi mật

Tác dụng lợi mật của Nhân trần cao chủ yếu đạt được thông qua điều hòa quá trình chuyển hóa cholesterol và bilirubin. Nhân trần cao thang có thể điều chỉnh sự mất cân bằng giữa cholesterol, phospholipid và acid mật, làm giảm nồng độ Ca^{2+} trong dịch mật, cải thiện tốc độ dòng chảy mật và tình trạng ứ mật, từ đó phòng ngừa sự tiến triển của sỏi cholesterol túi mật. Nhân trần cao thang thông qua trục gan–thận điều hòa chuyển hóa acid mật, giảm tổn thương ty thể DNA (mtDNA) của tế bào gan trên chuột thí nghiệm. Cơ chế tác dụng cải thiện sỏi mật ở chuột thí nghiệm chủ yếu là do nó cải thiện sự bão hòa quá mức cholesterol trong dịch mật và điều hòa chuyển hóa cholesterol.

Nghiên cứu trên mô hình chuột gây ứ mật bởi Isothiocyanate-1-naphthalate (C11H7NS), khi cho uống Nhân trần cao thang các chỉ số ALT, AST, TBIL, bilirubin trực tiếp, tổng acid mật đều giảm rõ, cải thiện tốc độ dòng chảy mật, và mức biểu hiện của các protein vận chuyển như UDP-glucuronosyltransferase 1A1 (UGT1A1)... đều tăng khi được dùng ở liều 12g/kg. Một nghiên cứu khác cho thấy Nhân trần cao thang thông qua tác động vào gen CYP7A1 (cholesterol 7α-hydroxylase), MRP2, MRP3, UGT1A1 và thụ thể Farnesoid X (FXR) để điều chỉnh các con đường chuyển hóa bao gồm sinh tổng hợp acid mật nguyên phát, chuyển hóa porphyrin và chlorophyll, từ đó phát huy tác dụng lợi mật và thoái hoàng [3].

3.3. Tác dụng kháng khuẩn

Hiện nay các nghiên cứu về cơ chế kháng khuẩn của Nhân trần cao thang chủ yếu tập trung vào bệnh lý hệ gan mật. Tình trạng viêm mạn tính kéo dài có thể dẫn đến xơ hóa gan, ung thư gan [4]. Nhân trần cao thang làm giảm viêm gan bằng cách ngăn chặn quá trình hoạt hóa interleukin (IL)-1β, IL-6, TNF-α, đồng thời ức chế sự hoạt hóa của tế bào Kupffer trong gan. Một số học giả cho rằng Nhân trần cao thang giữ vai trò quan trọng trong phòng trị ung thư biểu mô tế bào gan bằng cách trực tiếp điều hòa con đường tín hiệu liên quan đến chuyển hóa và viêm; Sử dụng phương pháp nghiên cứu đa mục tiêu (network pharmacology) cho thấy trong 36 thành phần có trong bài thuốc có thể tác động đến 14 con đường, qua đó ức chế sự phát triển của tế bào ung thư gan [3].

3.4. Tác dụng điều hòa miễn dịch

Viêm gan tự miễn (autoimmune hepatitis, AIH) có liên quan đến sự biểu hiện quá mức của IL-35; sự đáp ứng điều trị ảnh hưởng rõ rệt đến tiên lượng người bệnh [5]. Trong khi nghiên cứu lâm sàng ở người bệnh ung thư biểu mô tuyến vú sau hóa trị có tổn thương gan thấy rằng Nhân trần cao có chứa scoparone có khả năng gián tiếp tham gia vào việc điều chỉnh các protein miễn dịch như chuỗi kappa của immunoglobulin, haptoglobin, α-1 antitrypsin, prothrombin..., từ đó phát huy tác dụng điều hòa miễn dịch [3].

4. TỔNG QUAN VỀ NGHIÊN CỨU TÁC DỤNG LÂM SÀNG CỦA NHÂN TRẦN CAO THANG

4.1. Bệnh hệ tiêu hóa

4.1.1. Viêm gan B

Viêm gan B thuộc chứng "hiếp thống", "hoàng đản" của y học cổ truyền [20]. Các nghiên cứu dược lý lâm sàng chỉ ra rằng Nhân trần cao thang gia giảm có tác dụng làm giảm đáng kể IL-6, TNF-α ở bệnh nhân viêm gan B mạn tính thể thấp nhiệt, các chỉ số viêm IL-1β, IL-6, TNF-α trong huyết thanh giảm đáng kể so với trước điều trị. IL-1β là yếu tố viêm chủ yếu gây tổn thương tế bào gan; IL-6 có tác dụng hoạt hóa bạch cầu trung tính, tăng sản sinh các sản phẩm chuyển hóa gốc tự do, gây phản ứng viêm; TNF-α là yếu tố trung gian chính trong tổn thương gan, có vai trò trong hệ thống miễn dịch và phản ứng viêm; có khả năng ức chế sự sao chép HBV. Nhân trần cao thang còn có tác dụng cải thiện tế bào gan ở chuột gây xơ gan thực nghiệm.

Đối với viêm gan B tiến triển, các nghiên cứu lâm sàng cho thấy Nhân trần cao thang kết hợp có tác dụng cải thiện triệu chứng lâm sàng và xét nghiệm tốt hơn bệnh nhân dùng đơn trị liệu entecavir 300 mg/ngày [6], [7].

4.1.2. Bệnh gan nhiễm mỡ không do rượu (NAFLD)

Bệnh gan nhiễm mỡ không do rượu (NAFLD) là do rối loạn chuyển hóa đường – lipid và lắng đọng lipid trong tế bào gan, bao gồm gan nhiễm mỡ đơn thuần, xơ gan và ung thư gan. Chúng có mối liên hệ chặt chẽ với đái tháo đường type 2, tăng huyết áp, tăng lipid máu... cơ chế bệnh sinh chủ yếu được giải thích bằng học thuyết "đòn tấn công thứ hai" [8], [9]. Yếu tố

bệnh sinh thường gặp nhất của NAFLD là do đàm thấp gây ra thấp nhiệt nội uẩn, phù hợp với biện chứng luận trị của Nhân trần cao thang [10].

Các nghiên cứu thực nghiệm đã chứng minh rằng Nhân trần cao thang có tác dụng ức chế đáng kể nồng độ các yếu tố viêm trong huyết thanh người bệnh NAFLD, giảm tình trạng thâm nhiễm tế bào viêm quanh khoảng cửa ở chuột NAFLD kèm ứ mật, do có tác dụng kháng viêm. Cải thiện hội chứng chuyển hóa ở bệnh nhân NAFLD do có tác dụng giảm cholesterol lipoprotein tỷ trọng thấp, cholesterol lipoprotein tỷ trọng cao, acid uric (UA) và triglycerid [3].

4.1.3. Tăng bilirubin máu

Tăng bilirubin máu tại gan chủ yếu do nhiều nguyên nhân gây tổn thương nặng chức năng gan, dẫn đến rối loạn quá trình hấp thu và chuyển hóa bilirubin. Nhân trần cao thang giúp thanh giải uất nhiệt trường vị, lợi thấp, thoái hoàng, làm giảm rõ rệt nồng độ bilirubin huyết thanh và các yếu tố viêm. Trên lâm sàng cho thấy Nhân trần cao thang làm tăng khả năng hấp thu và bài tiết bilirubin của gan, tăng nhu động ruột, qua đó làm giảm nồng độ bilirubin huyết thanh.

Phân tích thành phần dược lý của Nhân trần cao, Chi tử và Đại hoàng, thấy quercetin có tác dụng kháng khuẩn, thúc đẩy bài tiết mật, khai thông dịch mật ứ trệ, từ đó làm giảm bilirubin và giảm vàng da. Chất emodin, chrysophanol, iridoid glycoside trong Nhân trần cao thang có tác dụng tăng bài tiết bilirubin; dùng tắm ngoài có thể làm giảm TBIL và IBIL ở chứng vàng da trẻ sơ sinh [3].

4.1.4. Viêm tụy

Viêm tụy cấp thuộc phạm trù "phúc thống", "di đản" y học cổ truyền, bệnh phần nhiều thuộc thực chứng gây ra thấp nhiệt và huyết ứ; phép trị chủ yếu thanh nhiệt, giải độc, lợi thấp [11]. Nghiên cứu trên mô hình gây viêm tụy cấp (SAP) trên chuột SD, kết quả cho thấy Nhân trần cao thang làm giảm đáng kể nồng độ TNF-α và IL-1β, đạt tác dụng kháng khuẩn. Trong cơ chế bệnh sinh của viêm tụy, thường gặp phản ứng viêm toàn thân; phóng thích nhiều cytokine và chất trung gian viêm, ảnh hưởng đến hệ tuần hoàn và chức năng các cơ quan khác. Nhân trần cao và chi tử đều có tác dụng kháng viêm, còn emodin trong Đại hoàng làm giảm các chỉ số IL-6, TNF-α, từ đó ức chế phản ứng viêm [3].

Như trên cho thấy, Nhân trần cao thang có phạm vi ứng dụng rộng trong các bệnh lý tiêu hóa gan, mật và tụy; thuốc có tác dụng sơ can, thanh can, lợi mật, thoái hoàng, kháng viêm, ức chế các yếu tố viêm sinh ra từ nhiều cơ chế khác nhau, điều trị hiệu quả các bệnh lý do viêm. Nhân trần cao thang vừa có thể điều trị viêm do virus, vừa có thể trị viêm do vi khuẩn; điều chỉnh sự mất cân bằng của cytokine miễn dịch và rối loạn mạng lưới miễn dịch.

4.2. Bệnh hệ hô hấp

Nhiễm khuẩn hô hấp tái phát (RRTI) thường gặp ở trẻ trước tuổi đi học, chủ yếu do nhiễm virus hô hấp, là do thấp nhiệt nội uẩn, biểu hiện lâm sàng chủ yếu là tích trệ. Nhân trần cao thang có tác dụng ức chế viêm do virus, đồng thời tăng cường chức năng miễn dịch, giúp khống chế phản ứng viêm ở bệnh nhân RRTI [3].

4.3. Bệnh da liễu

4.3.1. Trứng cá (mụn trứng cá)

Trứng cá thuộc phạm trù "phế phong phấn thích" trong Y học cổ truyền, gây viêm mạn tính nang lông–tuyến bã, thường gặp ở lứa tuổi thanh thiếu niên, nguyên nhân do thấp nhiệt kết hợp [12]. Các nghiên cứu lâm sàng chứng minh thể phế vị thấp nhiệt của mụn trứng cá điều trị bằng Nhân trần cao thang gia giảm, tổn thương da và phản ứng viêm cải thiện rõ rệt [3].

4.3.2. Chàm (eczema)

Bệnh chàm mạn tính có liên quan đến IL-4, IL-6 và IFN-γ, trong đó Nhân trần cao thang có thể làm giảm đáng kể IL-6, từ đó ức chế triệu chứng viêm kèm theo [13].

5. BÀN LUẬN

Nhân trần cao thang là phương thuốc kinh điển trong "Thương hàn luận" dùng để trị chứng hoàng đản thể dương hoàng. Các nghiên cứu hiện đại cho thấy thuốc có tác dụng bảo vệ gan, lợi mật, kháng nhiễm khuẩn và điều hòa miễn dịch, đối với các chứng bệnh thuộc thể thấp nhiệt kèm phản ứng viêm đều có hiệu quả điều trị tốt. Dịch chiết của Nhân trần cao thang có tổng cộng 106 thành phần, bao gồm acid hữu cơ, iridoid glycoside vòng, anthraquinone, flavonoid, monoterpen, crocin, coumarin, stilben, chromone và các hợp chất khác [14].

Nhân trần, Chi tử và Đại hoàng có thành phần dược lý phức tạp, chứa nhiều hoạt chất như quercetin, β-sitosterol, emodin... làm cải thiện nồng độ các yếu tố IL-1, IL-6, có thể điều trị nhiều loại bệnh có chứng thấp nhiệt kèm theo các phản ứng viêm, mở rộng phạm vi ứng dụng lâm sàng của bài thuốc.

Nghiên cứu thành phần và cơ chế dược lý của Nhân trần cao thang có ý nghĩa quan trọng trong việc mở rộng ứng dụng, cung cấp bằng chứng cho nguyên tắc "một phương điều trị nhiều bệnh, nhiều chứng". Kết cấu bài thuốc tuy ít mà lực chuyên, phối ngũ nghiêm cẩn, đặc biệt hiệu quả trong điều trị các chứng thấp nhiệt nội uẩn, nhiệt tà thiên thịnh, song cơ chế bệnh sinh của bệnh chứng thấp nhiệt khá phức tạp, nên khi ứng dụng cần gia giảm linh hoạt [15].

Theo lý luận "phương – chứng tương ứng", trên lâm sàng có thể căn cứ vào biểu hiện như tiểu tiện vàng sẫm và ngắn ít, bụng trướng đầy, đại tiện không thoải mái hoặc bí kết, lưỡi đỏ rêu vàng nhớt... để vận dụng Nhân trần cao thang không nhất thiết giới hạn trong các bệnh thuộc gan mật. Đối với bệnh lý gan - mật, thuốc có tác dụng bảo vệ gan, lợi mật rõ rệt, giảm bilirubin, giảm các yếu tố viêm, thúc đẩy bài tiết mật, cải thiện chức năng miễn dịch... qua đó cải thiện tình trạng bệnh như xơ gan, gan nhiễm mỡ. Phạm vi ứng dụng lâm sàng không chỉ giới hạn ở điều trị hoàng đản thấp nhiệt mà theo nguyên tắc "dị bệnh đồng trị", "phương – chứng tương hợp" để ứng dụng rộng rãi các bệnh lý do thấp nhiệt uất kết.

Bài thuốc có tác dụng điều chỉnh rối loạn miễn dịch và mất cân bằng cytokine, dùng cho các bệnh viêm do phản ứng quá mẫn, viêm do vi khuẩn hoặc virus.

Qua phân tích cơ chế dược lý, xác định thành phần tác dụng đích của Nhân trần cao thang sẽ cung cấp thêm tư liệu và cơ sở y học chứng cứ cho ứng dụng lâm sàng theo biện

chứng. Cơ chế tác dụng của Nhân trần cao thang vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ, thiếu dữ liệu lâm sàng quy mô lớn để chứng minh. Vận dụng nguyên tắc "dị bệnh đồng trị" và "phương – chứng tương ứng", có thể mở ra những hướng mới trong biện chứng luận trị của bài thuốc.

6. KẾT LUẬN

Nhân trần cao thang có phạm vi ứng dụng lâm sàng rộng rãi trong các bệnh lý gan mật. Thành phần hóa học và tác dụng dược lý của bài thuốc rất phong phú, có thể vận dụng linh hoạt, gia giảm phù hợp theo "phương–chứng tương ứng" để điều trị nhiều bệnh lý khác nhau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. LI GH, et al. A brief description of the ancient and modern clinical study of Yinchenhao Decoction. J Liaoning Univ TCM. 2022;22(7):90-94.
2. LI M, et al. Progress in the clinical study of Yin Chen Hao Decoction. Chin J Ethnomed Ethnopharm. 2018;27(16):51-53.
3. YUAN HC, et al. Pharmacological action and clinical application of virgate wormwood decoction. Henan TCM. 2023;43(7):984-990.
4. ZHANG JY, et al. A bioinformatics investigation into the pharmacological mechanisms of the effect of the Yinchenhao Decoction on hepatitis C based on network pharmacology. BMC Complement Med Ther. 2020;20(1):50.
5. 马国斌, et al. **自身免疫性肝炎患者肝**组织 IL一35 **表达和外周血髓**样抑制细胞百分比变化临床意义探讨. 实用肝脏病杂志. 2022;25(2):199-202.
6. 赖江云. **茵**陈蒿汤联合恩替卡韦治疗重症化趋势乙型病毒性肝炎临床观察. **中国中医**药现代远程教育. 2020;18(4):277-278.
7. Nguyễn Trung Hà và cs. Đánh giá hiệu quả điều trị của viên nén "Nhân trần thoái hoàng đan" dựa trên triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng ở bệnh nhân Viêm gan B đợt cấp [Luận văn thạc sỹ y học]. Hà Nội: Học viện y dược học cổ truyền Việt Nam; 2020:53-54.
8. **徐静**, et al. **非酒精性脂肪性肝病与** FGF21 **的研究**进展. 检验医学与临床. 2021;18(22):3341-3344.
9. 钟培玲, et al. 针灸治疗非酒精性脂肪性肝病的研究进展. **广州中医**药大学学报. 2022;39(3):727-734.
10. **覃映霖**, et al. **非酒精性脂肪肝**证候分布规律探析. **中国中医**药现代远程教育. 2021;19(17):45-48.
11. 马辉, et al. **茵**陈蒿汤合龙胆泻肝汤辅助治疗急性胰腺炎(**肝胆湿**热证)**的**疗效观察. **中国中医急症**. 2021;30(6):1037-1039.
12. **王**晓梦, et al. **加味茵**陈蒿汤联合复合酸治疗脾胃湿热型痤疮临床研究 [Luận văn]. Hợp Phì: Đại học Y dược cổ truyền An Huy; 2021.
13. 谢玉华, et al. **壮医**脐环穴针刺法对慢性湿疹患者的疗效及血清炎症因子表达的影响. **湖南中医**杂志. 2021;37(10):77-79.

14. 刘欢. 基于体内过程的茵陈蒿汤和祛湿化瘀方治疗肝病药效物质研究 [Luận án]. Bắc Kinh: Đại học Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc; 2020.

15. 刘梦凡, et al. 茵陈蒿汤加减治疗内科杂病体会. 国医论坛. 2021;36(4):5-7.

ABSTRACT

PHARMACOLOGICAL AND CLINICAL REVIEW OF YINCHENHAO DECOCTION

Yinchenhao Decoction is derived from Treatise on Febrile Diseases, and is a classic formula for draining dampness and reducing jaundice. It is commonly used in clinical practice to treat diseases such as jaundice, etc. Yinchenhao Decoction has pharmacological effects such as protecting the liver, cholagogic function, anti-inflammatory, and regulating immunity, used in hepatobiliary diseases. But its clinical application is not limited to liver diseases, also used in the treatment of digestive diseases (including hepatitis B, non-alcoholic fatty liver disease, hyperbilirubinemia, pancreatitis), respiratory diseases (including asthma, recurrent respiratory infections), and dermatology diseases (acne, eczema). At present, the exploration of the mechanism of action of Yinchenhao Decoction is still insufficient, and there is a lack of clinical large-sample data support.

Keywords: *Yinchenhao Decoction; dampness-heat syndrome; pharmacological action; clinical research; homotherapy for heteropathy; Treatise on Febrile Diseases.*